|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC 5:**

**YÊU CẦU BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Bản mô tả chương trình đào tạo được trình bày theo mẫu ban hành kèm theo Hướng dẫn số 04/HD-ĐHV ngày 14/5/2021 với những yêu cầu như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu** |
| **Phần 1. Giới thiệu** |  |
| 1.1. Trường Đại học Vinh | - Khoảng 2 trang.  - Giới thiệu tóm tắt quá trình phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, cơ cấu tổ chức. |
| 1.2. Giới thiệu Khoa/Viện | - Khoảng 1 trang.  - Giới thiệu tóm tắt quá trình phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục, cơ cấu tổ chức (nếu có). |
| 1.3. Giới thiệu về ngành | - Khoảng 1 trang.  - Giới thiệu tổng quan về ngành; chiến lược phát triển của ngành; thông tin liên hệ ngành (địa chỉ, điện thoại, email…). |
| **Phần 2. Tổng quan về chương trình đào tạo** | Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ; chương trình dạy học *(Theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017)* |
| 2.1. Thông tin chung | Gồm các thông tin sau: Tên ngành tiếng Việt và tiếng Anh; Mã số ngành đào tạo; Trình độ đào tạo; Thời gian đào tạo; Tên văn bằng tốt nghiệp; Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo; Hình thức đào tạo; Số tín chỉ yêu cầu; Thang điểm; Ngôn ngữ sử dụng; Ngày tháng ban hành; Phiên bản chỉnh sửa. |
| 2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo | Đúng với sản phẩm được nghiệm thu. |
| 2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo | - Đúng với sản phẩm được nghiệm thu.  - Có bảng về mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (cấp 2). |
| 2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp | Trình bày những lĩnh vực mà sinh viên có thể tìm được việc làm đúng ngành nghề, đặc biệt là lĩnh vực mà thị trường lao động đang có nhu cầu cao. |
| 2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp | - Trình bày các phương thức xét tuyển và các tổ hợp môn xét tuyển.  - Điều kiện tốt nghiệp: Tóm tắt yêu cầu chính của Điều 14, Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021 (Quy định đào tạo trình độ đại học). |
| 2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập | Trình bày các phương pháp giảng dạy và học tập được áp dụng (Thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, bài tập, tự học, thảo luận, thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu tình huống, dạy học dựa trên đồ án/dự án...), mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các hoạt động giảng dạy - học tập. |
| 2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá | Trình bày các phương pháp đánh giá (Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…), công cụ đánh giá tương ứng (Đáp án và thang điểm, phiếu đánh giá…), mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá với Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đánh giá. |
| **Phần 3. Nội dung chương trình dạy học** |  |
| 3.1. Cấu trúc chương trình dạy học | - Trình bày cấu trúc tổng quát của chương trình dạy học, số tín chỉ và tỷ lệ % của mỗi khối học phần (mô-đun), mối liên hệ giữa các khối học phần với Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.  - Khối học phần giáo dục đại cương được phân chia thành:  + Khối học phần chung toàn trường: 21 tín chỉ;  + Khối học phần chung của khối ngành: Tối thiểu 24 tín chỉ đối với chương trình đào tạo cấp bằng cử nhân, 29 tín chỉ đối với chương trình đào tạo cấp bằng kỹ sư. Riêng đối với các khối ngành: Kinh tế; Xây dựng, Công nghệ thông tin; Công nghệ Hóa sinh - Môi trường; Nông Lâm Ngư; Quản lý tài nguyên và môi trường: Tối thiểu 40 tín chỉ chung đối với các chương trình đào tạo cấp bằng cử nhân, 50 tín chỉ đối với chương trình đào tạo cấp bằng kỹ sư.  - Khối học phần giáo dục chuyên nghiệp do các ngành tự quyết định, được phân chia thành:  + Khối học phần cơ sở ngành;  + Khối học phần ngành. |
| 3.2. Phân nhiệm CĐR CTĐT cho các học phần | - Bảng phân nhiệm Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp 2) cho các học phần thể hiện được rằng tất cả Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đều có học phần đảm nhiệm.  - Bảng phân nhiệm Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp 3) cho các học phần:  + Trình bày đúng các ký hiệu quy định về mức độ năng lực (K2, S3, A4, C4…);  + Mức độ năng lực của một chuẩn đầu ra thể hiện được sự phát triển hợp lý, logic qua các học phần đảm nhiệm.  + Các học phần dạy học dựa vào đồ án/dự án được tích hợp tối thiểu các Chuẩn đầu ra sau: kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp và các kỹ năng xây dựng "sản phẩm"/"quy trình"/"hệ thống"/"dịch vụ". |
| 3.3. Kế hoạch giảng dạy | Trình bày đúng thông tin với Khung chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. |
| 3.4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học | Sơ đồ phân biệt được các học phần chung toàn trường, các học  Trình bày sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học (thể hiện các học phần tiên quyết, học trước, song hành…) |
| 3.5. Ma trận kỹ năng | Trình bày ma trận các kỹ năng sẽ đạt được dựa vào sơ đồ cấu trúc chương trình đào tạo |
| **Phần 4. Mô tả tóm tắt học phần** | Danh sách mô tả tóm tắt các học phần bao gồm:  - Mô tả học phần  - Mục tiêu  - Chuẩn đầu ra |
| **Phần 5. Đội ngũ giảng viên** | Thông tin tất cả các học phần và các giảng viên đảm nhiệm, thông tin đội ngũ giảng viên của ngành |
| **Phần 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập** | Các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ quá trình giảng dạy và học tập |
| **Phần 7. Hướng dẫn thực hiện chương trình** | Các quy định ban hành và các yêu cầu riêng cần chú ý đến các đối tượng thực hiện chương trình.  Một số quy tắc đặt tên, viết tắt:  POs (Program Objectives): Mục tiêu CTĐT.  COs (Course Objectives): Mục tiêu học phần.  PLOs (Program Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra CTĐT  CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần |